

PHỤ LỤC/ANNEX

Số/No: 01/2025/ HĐMB-2023-CKVN-0011

Phụ lục này (“**Phụ lục**”) được lập vào ngày 01/01/2025 giữa Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ (“**Bên Mua**”) và Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Dịch Vụ Ngọc Thom (“**Bên Bán**”). Phụ lục này được đính kèm và là một bộ phận không tách rời của Hợp Đồng Mua Bán số HĐMB-2023-CKVN-0011 ký ngày 01/01/2023 giữa Bên Bán và Bên Mua (“**Hợp đồng**”).

*This Annex (“**Annex**”) is made on date 01/01/2025 between Red Circle Company Limited (“**Buyer**”) and Ngoc Thom Trading And Service Company Limited (“**Seller**”). This Annex is attached to and is an integral part of the Sales and Purchase Contract No. HĐMB-2023-CKVN-0011 signed on 01/01/2023 between the Seller and the Buyer (“**Contract**”).*

Bên Bán đồng ý cung cấp Hàng hóa cho Bên Mua theo các điều khoản và điều kiện dưới đây:

The Seller agrees to supply the Goods to the Buyer on the terms and conditions below:

I. MÔ TẢ HÀNG HÓA/DESCRIPTION OF GOODS.

Bên Bán cung cấp cho Bên Mua các Hàng hóa do Bên Bán phân phối hoặc sản xuất, chi tiết theo báo giá của Bên Bán có xác nhận của Bên Mua. Đơn giá Hàng hóa có thể thay đổi tùy từng thời điểm theo thỏa thuận của các bên.

The Seller provides the Goods which are sold or produced by the Seller, detailed according to the Seller's quotation confirmed by the Buyer. Goods prices may change from time to time, as agreed by the parties.

Chiết khấu thương mại:

Trade discount:

Bên Bán thực hiện chiết khấu trực tiếp trên hoá đơn mua hàng 6.0% cho Bên Mua.

The Seller shall make trade discount directly on invoice of 6.0% for the Buyer.

II. ĐẶT HÀNG VÀ THANH TOÁN/PURCHASE ORDER AND PAYMENT.

| | |
|---|---|
| Đặt hàng. <i>Order.</i> | Bên Mua gửi Đơn đặt hàng vào các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần. <i>The Buyer sends the Purchase Order from Monday to Friday every week.</i> Số lượng đặt hàng tối thiểu: 8 sản phẩm/ Đơn đặt hàng. <i>Minimum quantity of order: 8 units/ Purchase Order.</i> |
| Thời gian giao hàng. <i>Delivery time.</i> | Trong vòng 03 ngày kể từ ngày Bên mua gửi Đơn đặt hàng. <i>Within 03 days from the date the Buyer sends the Purchase Order.</i> |
| Thời gian và địa điểm đổi, trả Hàng hóa. <i>Time and place for returning/exchanging Goods.</i> | Trong vòng 03 ngày kể từ ngày Bên Mua thông báo, tại Trung tâm phân phối và/hoặc cửa hàng của Bên Mua. <i>Within 03 days from the date of notification by the Buyer, at the Buyer's Distribution Center and/or store.</i> |
| Thanh toán Đơn đặt hàng. | Thời hạn thanh toán: Bên Mua thanh toán giá trị Đơn đặt hàng bằng chuyển khoản trong vòng 50 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ Hàng hóa và chứng từ thanh toán hợp lệ, bao gồm: 01 hóa đơn điện tử được gửi qua email: ckvn@e-invoice.circlek.com.vn, 01 bản sao Đơn đặt hàng, 01 bản gốc phiếu giao hàng có chữ ký xác nhận của đại diện hai bên và dấu xác nhận đã nhận hàng của cửa hàng Bên Mua. |

Purchase Order
Payment.

Date of payment: The Buyer shall pay the Purchase Order value by bank transfer within 50 days of receiving the Goods and valid payment documents, including: 01 electronic invoice sent via email: ckvn@e-invoice.circlek.com.vn, 01 copy of the Purchase Order, 01 original delivery note with the signatures of the representatives of both parties and stamp of the Buyer's store.

Tài khoản nhận thanh toán của Bên Bán:

Seller's payment receiving account:

Ngân hàng/Bank: TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) – Chi Nhánh Đồng Đăng Nai

Tên tài khoản/Account name: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM

Số tài khoản/Account No: 1027349624

Thời hạn thanh toán trên được thực hiện cụ thể như sau:

Date of payment is understood as below:

Chúng tôi thanh toán hợp lệ Bên Mua nhận từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của mỗi tháng sẽ được thanh toán từ ngày 05 đến ngày 10 của tháng tiếp theo tháng kế tiếp. Nếu ngày thanh toán rơi vào ngày lễ, thứ 7 hoặc chủ nhật thì ngày thanh toán sẽ được tính vào ngày làm việc kế tiếp.

Valid payment documents which the Buyer receives from 1 to the last day of every month will be paid from 5th to 10th the following of next month. The payment date will be calculated on the next business day if it happens on a holiday, Saturday, or Sunday.

III. CHIẾT KHẤU, PHÍ VÀ HỖ TRỢ/ DISCOUNTS, FEES AND SUPPORTS

| Hạng mục Items | Mô tả Description | Kỳ tính Period | | | | | | | | |
|--|--|--|---|--------------------------|-------|-----------------|-------|-----------------|-------|---|
| Chiết khấu bán hàng. <i>The sales rebate.</i> | <p>Chiết khấu bán hàng được xác định dựa trên Doanh số mua bán theo kỳ trừ doanh số trả hàng (chưa bao gồm thuế VAT) phát sinh trong kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 giữa Bên Mua và Bên Bán.</p> <p><i>The sales rebate shall be defined as Periodic sales value subtracting the amount of Goods return (excluded VAT) arising from the period from 01/01/2025 to 31/12/2025 between the Buyer and the Seller.</i></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu doanh số (triệu VNĐ)-VAT <i>Sales Target (million VND)-VAT</i></th> <th>Mức chiết khấu trên Doanh số mua bán theo kỳ <i>Rebate on Periodic sales revenue</i></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Không chi tiêu/No Target</td> <td>1.25%</td> </tr> <tr> <td>Từ/from ≥ 1,600</td> <td>1.50%</td> </tr> <tr> <td>Từ/from ≥ 2,000</td> <td>2.00%</td> </tr> </tbody> </table> <p>Trường hợp Hợp đồng chấm dứt trước hạn, mức chiết khấu bán hàng được xác định dựa trên mức chiết khấu theo chỉ tiêu</p> | Chỉ tiêu doanh số (triệu VNĐ)-VAT <i>Sales Target (million VND)-VAT</i> | Mức chiết khấu trên Doanh số mua bán theo kỳ <i>Rebate on Periodic sales revenue</i> | Không chi tiêu/No Target | 1.25% | Từ/from ≥ 1,600 | 1.50% | Từ/from ≥ 2,000 | 2.00% | <input checked="" type="checkbox"/> Năm/Yearly. |
| Chỉ tiêu doanh số (triệu VNĐ)-VAT <i>Sales Target (million VND)-VAT</i> | Mức chiết khấu trên Doanh số mua bán theo kỳ <i>Rebate on Periodic sales revenue</i> | | | | | | | | | |
| Không chi tiêu/No Target | 1.25% | | | | | | | | | |
| Từ/from ≥ 1,600 | 1.50% | | | | | | | | | |
| Từ/from ≥ 2,000 | 2.00% | | | | | | | | | |

| | | |
|---|--|---|
| | <p>doanh số năm và Doanh số mua bán theo kỳ thực tế đạt được theo tỷ lệ phần trăm thực hiện Hợp đồng.</p> <p><i>In the event that the contract is terminated prematurely, the sales rebate is determined by the yearly target and the actual Periodic sales value by percentage of Contract completion.</i></p> | |
| <p>Chiết khấu bán hàng tạm tính và phương thức thanh toán chiết khấu bán hàng thực tế.</p> <p><i>The estimated sales rebate and payment of the actual sales rebate.</i></p> | <p>Khoản chiết khấu bán hàng này sẽ do Bên Bán xuất hóa đơn và thanh toán cho Bên Mua trong thời hạn một (01) tháng sau ngày kết thúc kỳ tính thưởng bằng hình thức trừ công nợ hoặc chuyển khoản qua ngân hàng trong trường hợp các bên không còn số dư công nợ.</p> <p><i>The sales rebate shall be invoiced by the Seller and settled for the Purchaser within a (01) month from the end date of sales incentive program's period by debt deduction or bank transfer in case of no balance to deduct.</i></p> | <input checked="" type="checkbox"/> Năm/Yearly. |
| <p>Phí chào hàng.</p> <p><i>Listing fee.</i></p> | <p>3,000,000 VNĐ/Mã hàng (chưa bao gồm VAT) áp dụng cho mặt hàng mới.</p> <p><i>3,000,000 VND/SKU (excluded VAT) applied for new product.</i></p> | <input checked="" type="checkbox"/> Từng lần phát sinh/Each time. |
| <p>Phí thay đổi thông tin Bên Bán (tên công ty, địa chỉ, tài khoản ngân hàng).</p> <p><i>Fee for changing Seller information (company name, address, bank account).</i></p> | <p>10,000,000 VNĐ/lần (chưa bao gồm VAT).</p> <p><i>10,000,000 VND/time (excluded VAT).</i></p> | <input checked="" type="checkbox"/> Từng lần phát sinh/Each time. |
| <p>Khoản hỗ trợ trưng bày</p> <p><i>Display support fee.</i></p> | <p>1.0%/Doanh số mua bán theo tháng trừ doanh số trả hàng phát sinh trong tháng.</p> <p><i>1.0%/Monthly sales value, subtracted the amount of returned goods arising this month.</i></p> | <input checked="" type="checkbox"/> Tháng/Monthly. |
| <p>Khoản hỗ trợ cửa hàng mới.</p> <p><i>New store support fee.</i></p> | <p>0.3%/Doanh số mua bán theo năm trừ doanh số trả hàng phát sinh trong năm.</p> <p><i>0.3%/Yearly sales value, subtracted the amount of returned goods arising this year.</i></p> | <input checked="" type="checkbox"/> Năm/Yearly. |
| <p>Khoản hỗ trợ phát triển thương hiệu.</p> <p><i>Branding support fee.</i></p> | <p>0.5%/Doanh số mua bán theo tháng trừ doanh số trả hàng phát sinh trong tháng.</p> <p><i>0.5%/Monthly sales value, subtracted the amount of returned goods arising this month.</i></p> | <input checked="" type="checkbox"/> Tháng/Monthly. |
| <p>Khoản hỗ trợ bán hàng.</p> <p><i>Sales support fee.</i></p> | <p>1.0%/Doanh số mua bán theo tháng trừ doanh số trả hàng phát sinh trong tháng.</p> <p><i>1.0%/Monthly sales value, subtracted the amount of returned goods arising this month.</i></p> | <input checked="" type="checkbox"/> Tháng/Monthly. |

Q

| | | |
|--|---|--|
| Khoản hỗ trợ kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm tại nơi sản xuất. <i>Food safety inspection support fee at production site.</i> | 1.0%/Doanh số mua bán theo tháng trừ doanh số trả hàng phát sinh trong tháng. <i>1.0%/Monthly sales value, subtracted the amount of returned goods arising this month.</i> | <input checked="" type="checkbox"/> Tháng/Monthly. |
| Khoản hỗ trợ tiền điện. <i>Electricity support fee.</i> | 1.0%/Doanh số mua bán theo tháng trừ doanh số trả hàng phát sinh trong tháng. <i>1.0%/Monthly sales value, subtracted the amount of returned goods arising this month.</i> | <input checked="" type="checkbox"/> Tháng/Monthly. |
| Khoản hỗ trợ trao đổi dữ liệu điện tử. <i>Electronic data interchange support fee.</i> | 1.0%/Doanh số mua bán theo tháng trừ doanh số trả hàng phát sinh trong tháng. <i>1.0%/Monthly sales value, subtracted the amount of returned goods arising this month.</i> | <input checked="" type="checkbox"/> Tháng/Monthly. |
| Tất cả khoản hỗ trợ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. <i>All of the above support fees do not include value added tax.</i> | | |

IV. ĐIỀU KIỆN CHUNG/ GENERAL CONDITIONS.

1. Các loại chiết khấu, phí, khoản hỗ trợ quy định tại Mục III Phụ Lục này và các nghĩa vụ tài chính khác sẽ được Bên Bán thanh toán cho Bên Mua theo một hoặc tất cả các phương thức bên dưới (tùy theo sự lựa chọn của Bên Mua):

The discounts, fees, and support fees are indicated in Section III of this Annex and other financial obligations shall be paid by the Seller to the Buyer by one or all the following methods (at the Buyer's direction):

1.1 Bên Bán thanh toán theo phương thức **cán trừ công nợ**: Bên Mua cán trừ các khoản tiền này vào giá trị thanh toán trước khi thực hiện các đợt thanh toán Đơn đặt hàng cho Bên Bán.

The Seller pays by debt set-off method: The Buyer offsets these amounts against the payment value before making the payment for the Purchase Order to the Seller.

1.2 Bên Bán thanh toán theo phương thức **chuyển khoản** trong thời hạn như sau:

The Seller shall pay by bank transfer within the following period:

i) **Các loại chiết khấu (không bao gồm chiết khấu thương mại)**: trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên Bán nhận được giấy báo nợ hoặc thông báo của Bên Mua. Bên Mua sẽ gửi giấy báo nợ/thông báo sau khi kết thúc kỳ tính chiết khấu.

Discounts (excluded trade discounts): within 15 days from the date the Seller receives the debit note or notice from the Buyer. The Buyer will send the debit note/notice after the discount period ends.

ii) **Phí thay đổi thông tin Bên Bán** (tên pháp nhân, địa chỉ, tài khoản ngân hàng): trong vòng 05 ngày kể từ ngày Bên Mua gửi thông báo cho Bên Bán.

Fee for updating Seller information (name, address, bank account): within 05 days from the date the Buyer sends a notice to the Seller.

iii) **Phí chào hàng và Phí thay đổi thông tin sản phẩm** (mã vạch, trọng lượng...): quy định tại thỏa thuận được ký bởi hai bên.

Listing fee and fee for updating product information (barcode, weight...): Payment time specified in the agreement signed by both parties.

- iv) **Các khoản hỗ trợ được thanh toán bằng tiền:** trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên Mua gửi giấy báo nợ hoặc hóa đơn tương ứng. Bên Mua gửi giấy báo nợ cho khoản hỗ trợ sự kiện và xuất hóa đơn VAT đối với các khoản hỗ trợ còn lại.

Support fees paid by cash: within 15 days from the date the Buyer sends the debit note or invoice. The Buyer sends a debit note for the events support fee and issues a VAT invoice for the remaining support fees.

- v) **Các khoản phạt, bồi thường (nếu có):** trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên Mua thông báo.

Penalty and compensation (if any): within 15 days of the Buyer's notification.

- 1.3 **Trường hợp Bên Bán thanh toán khoản hỗ trợ bằng sản phẩm:** Bên Bán phải xuất hóa đơn cho khoản hỗ trợ theo quy định của pháp luật về thuế và thực hiện giao hàng cho Bên Mua trong vòng 01 tháng kể từ ngày các bên ký thỏa thuận hỗ trợ bán hàng. Trường hợp Bên Bán không giao hàng trong thời hạn cam kết, Bên Mua có quyền (i) chuyển đổi khoản hỗ trợ bằng sản phẩm thành tiền theo đơn giá mua hàng tại thời điểm chuyển đổi và (ii) thực hiện cản trừ công nợ hoặc Bên Bán chuyển khoản trong trường hợp các bên không còn số dư công nợ trong vòng 30 ngày kể từ thời điểm cam kết hỗ trợ.

In case the Seller pays support fees with products: the Seller shall issue invoice for support fees in according with Tax law and regulations and deliver the free Goods to the Buyer within 01 month from the date of Sales Support Agreement. If the Seller fails to deliver the products within the agreed-upon time, the Buyer has the right to (i) convert the support fees in goods into cash based on the purchase price at the moment of conversion and (ii) deduct the debt from the Seller or the Seller shall settle by bank transfer in case of no balance to deduct within 30 days from date of commitment.

2. Thông tin xuất hóa đơn của Đơn đặt hàng

Invoicing information for Purchase Order

- 2.1. Căn cứ vào khu vực tỉnh, thành phố thực hiện Đơn đặt hàng mà Bên Mua có quyền chỉ định Bên Bán xuất hóa đơn cho Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ hoặc các chi nhánh của Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ. Thông tin xuất hóa đơn của Bên Mua được đính kèm của Phụ Lục này. Bên Bán sẽ nhận thanh toán từ Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ.

Based on the province or city implementing the Purchase Order, the Buyer has the right to designate the Seller to issue invoices to Red Circle Company Limited or branches of Red Circle Company Limited. The Buyer's invoicing information is specified in Attachment A of this Annex. At the same time, the Seller will receive payment from Red Circle Company Limited.

- 2.2. Nội dung ghi trên hóa đơn cụ thể như sau:

The content recorded on the invoice is as follows:

- **Tên Người Mua Hàng:** Tên cửa hàng nhận hàng và số Đơn đặt hàng (Ví dụ: Cửa hàng 13 Tôn Đản, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh).

Name of buyer: Name of the receiving store and Purchase Order number (For example: Store 13 Ton Dan, District 4, Ho Chi Minh City).

- Tên đơn vị, mã số thuế, địa chỉ: Theo quy định tại Điều 2.1.

Company name, tax code, address: According to Article 2.1.

- 2.3. Bên Bán lập 01 hóa đơn cho mỗi Đơn đặt hàng (không tách hóa đơn). Trường hợp hóa đơn có sai sót thì Bên Bán sẽ lập hóa đơn điện tử mới thay thế cho hóa đơn đó.

The Seller shall issue 01 invoice for each Purchase Order (no separate invoices). If the invoice contains errors, the Seller will replace it with a new electronic invoice.

3. Giao, nhận chứng từ thanh toán Đơn đặt hàng

Delivery of payment documents for Purchase Order

- 3.1 Trường hợp giao hàng tại Trung tâm phân phối Bên Mua: Bên Bán phải giao bản sao Đơn đặt hàng và bản gốc phiếu giao hàng trực tiếp cho nhân viên kho vận của Bên Mua ngay thời điểm giao hàng.

If the Goods is delivered to the Distribution Center: The Seller shall deliver copy of Purchase Order and original delivery note directly to the Buyer's warehouse staff at the time of delivery.

- 3.2 Trường hợp giao hàng tại cửa hàng Bên Mua, Bên Bán phải giao 01 bản sao Đơn đặt hàng, 01 bản gốc phiếu giao hàng trực tiếp cho nhân viên cửa hàng.

If the Goods is delivered to the store of the Buyer, the Seller shall deliver copy of Purchase Order and original delivery directly to Buyer's store staff.

4. Đối chiếu công nợ các khoản Bên Mua phải thu

Reconciliation of receivables from the Buyer

Bên Mua gửi cho Bên Bán bảng đối chiếu công nợ Bên Bán phải thanh toán cho Bên Mua bằng email trong thời gian như sau:

The Buyer sends a reconciliation of the amount the Seller shall pay to the Buyer via email within the following timeframe:

- i) Các khoản phải thu hàng tháng: định kỳ từ ngày 10 đến ngày 15 hàng tháng.

For monthly receivables amount: from the 10th to 15th days of each month.

- ii) Các khoản phải thu hàng quý: từ ngày 10 đến ngày 15 tháng đầu tiên của quý kế tiếp.

For quarterly receivables amount: from the 10th to 15th of the first month of the following quarter.

- iii) Các khoản phải thu hàng năm: từ ngày 10 đến ngày 15 của Tháng 1 năm kế tiếp.

For yearly receivables amount: from the 10th to 15th in January of the following year.

- iv) Các khoản phải thu theo từng kỳ phát sinh: trong vòng 05 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ.

For periodic receivables amount: within 05 days from the end of the period.

Bên Bán phản hồi số liệu trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận bảng đối chiếu công nợ từ Bên Mua. Sau thời gian này nếu Bên Mua không nhận được phản hồi của Bên Bán thì xem như số liệu Bên Mua cung cấp là chính xác.

The Seller will respond with the data within 05 working days from the date of receiving the debt reconciliation from the Buyer. If the Seller fails to respond on time, the data submitted by the Buyer shall be considered accurate.

5. Đối chiếu công nợ các khoản Bên Mua phải trả

Reconciliation of payables by the Buyer

- 5.1 Biên bản đối chiếu công nợ quý sẽ được Bên Mua gửi cho Bên Bán từ ngày 10 đến ngày 15 của tháng đầu mỗi quý tiếp theo, trong đó Biên bản đối chiếu công nợ của quý 1 và quý 3 sẽ được gửi bằng văn bản, quý 2 và quý 4 sẽ được gửi bằng email.
The quarterly debt reconciliation report will be sent by the Buyer to the Seller from the 10th to the 15th of the first month of each following quarter, in which the debt reconciliation report for the 1st and 3rd quarters will be sent in writing, and the 2nd and 4th quarters will be sent by email.
- 5.2 Bên Bán phản hồi thông tin trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ từ Bên Mua. Nếu có sự chênh lệch về số liệu, Bên Bán sẽ gửi chi tiết số chứng từ kèm các thông tin liên quan và cùng kiểm tra với Bên Mua nguyên nhân của sự chênh lệch.
The Seller shall respond to the information within 10 days from the date of receipt of the debt reconciliation report from the Buyer. In case of any discrepancy in data, the Seller will send documents with related information and check with the Buyer the cause of the discrepancy.
- 5.3 Trường hợp Bên Mua không nhận được phản hồi về biên bản đối chiếu công nợ trong thời hạn nêu trên, Bên Mua có quyền giữ công nợ đến hạn và sẽ thanh toán sau khi có xác nhận/phản hồi của Bên Bán về biên bản đối chiếu công nợ. Bên Bán vẫn phải duy trì việc giao hàng cho Bên Mua trong trường hợp này.
In case the Buyer does not receive feedback on the debt reconciliation report within the above time, the Buyer shall keep the due debt and will pay after having the Seller's confirmation/feedback on this report. The Seller shall maintain delivery for the Buyer in this case.
6. Giấy báo nợ, biên bản cân trừ công nợ, biên bản đối soát doanh số và biên bản đối chiếu công nợ có thể được ký bằng chữ ký số hợp lệ theo quy định pháp luật hoặc được ký và đóng dấu bởi các bên.
Debit note, offset minute, sales value reconciliation minute and debt reconciliation minute can be signed with valid digital signatures in accordance with the Law or signed with affixing stamp by the parties.
7. Bên Bán thông báo cho Bên Mua trong vòng 03 ngày làm việc ngay sau khi có sự thay đổi nhân sự phụ trách đối chiếu công nợ (các khoản phải thu và các khoản phải chi) để đảm bảo các thông tin gửi từ Bên Mua đều được tiếp nhận và xử lý kịp thời bởi Bên Bán.
The Seller shall notify the Buyer within 03 working days after the change of personnel in-charge of debt reconciliation (reconciliation of payables and receivables) and to ensure that the information sent from the Buyer is received and promptly handled by the Seller.
- 8. Đổi trả Hàng hóa**
Return of Goods
Bên Bán thực hiện đổi hoặc trả Hàng hóa cho Bên Mua như sau:
The Seller shall exchange or return the Goods to the Buyer as follows:
- 8.1 **Đổi và trả hàng**
Exchange and return the Goods
- i) **Đổi hàng:** Bên Mua thông báo cho Bên Bán bằng văn bản hoặc email chi tiết hàng cần thu hồi và Bên Bán giao thay thế Hàng hóa mới trong vòng 7 ngày trước ngày hết hạn của Hàng hóa đối với hàng thực phẩm. Việc cung cấp Hàng hóa thay thế phải (i) được thực

hiện tại thời điểm thu hồi hàng và (ii) có thiết kế, quy cách, mẫu mã, kiểu dáng, số lượng, chất lượng và giá trị tương đương với hàng bị thu hồi.

Goods exchange: *The Buyer notifies the Seller in writing or by email with details of the Goods to be recalled, and the Seller delivers replacement Goods within 7 days prior to the expiration date of food products. The exchanged Goods shall be (i) executed at the time of the recall and (ii) have a design, specifications, samples, quantity, quality, and value that are equivalent to the recalled Goods.*

- ii) **Trả hàng:** Hàng trả cho Bên Bán bao gồm hàng hư hỏng do quá trình vận chuyển, do lỗi kỹ thuật, hàng hết hạn sử dụng hoặc chỉ còn hạn sử dụng ít hơn hoặc bằng 7 ngày mà Bên Mua đã thông báo cho Bên Bán, hàng bán chậm và các trường hợp thỏa thuận khác.

Return Goods: *Goods returned to the Seller consist of the Goods damaged due to transportation, technical defects, expired or products with an expiry date less than or equal to 7 the date notified by the Buyer to the Seller, slow-selling goods and other agreed cases.*

- 8.2 **Thời gian đổi trả Hàng Hóa:** quy định tại Mục II Phụ Lục này. Nếu Bên Bán không thu hồi hàng trả hoặc không thực hiện đổi hàng trong thời hạn quy định thì Bên Mua được quyền xử lý Hàng hóa mà không chịu bất kỳ trách nhiệm tài chính và pháp lý nào và Bên Bán sẽ thanh toán các chi phí phát sinh liên quan đến việc xử lý hàng này.

Time limit for Goods return/exchange: *as stipulated in Section II of this Annex, if the Seller does not recall or exchange the Goods within the specified period, the Buyer has the right to handle the Goods without bearing any financial or legal responsibility, and the Seller will bear the cost of handling of Goods.*

- 8.3 Giá trị hàng đổi trả và chi phí xử lý hàng (nếu có) sẽ được Bên Mua thực hiện cân trừ công nợ ngay khi hóa đơn trả hàng/hủy hàng được lập. Trường hợp không còn số dư công nợ thì Bên Bán thanh toán cho Bên Mua trong vòng 15 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn.

The value of recalled goods and the cost of handling of goods (if any) will be offset by the Buyer against the debt upon the issuance of the return/disposal invoice. In case there is no outstanding debt, the Seller shall pay the Buyer within 15 days from the date of issuing the invoice.

9. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

Penalty and Compensation

9.1 Đối với Bên Mua:

For the Buyer:

Trường hợp Bên Mua thanh toán trễ hạn, Bên Mua sẽ chịu lãi suất chậm thanh toán cho toàn bộ thời gian và số tiền chậm thanh toán tương đương với lãi suất tiền gửi kỳ hạn 01 tháng của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank). Lãi thanh toán chậm được tính trên số ngày thực tế và trên cơ sở 365 ngày.

In case the Buyer makes late payment, The Buyer will be accountable for late payment interest for the entire period and an amount equivalent to the 01-month term deposit interest rate of the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank). Late payment interest will be calculated on the actual number of days and the basis of 365 days.

9.2 Đối với Bên Bán:

For the Seller:

- i) Trường hợp Bên Bán giao thiếu hàng trong thời gian chạy khuyến mãi hoặc Hàng hóa gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng, Bên Bán chịu phạt 8% giá trị Đơn đặt hàng có Hàng hóa vi phạm và bồi thường thiệt hại phát sinh. Mức phạt đối với việc Hàng hóa ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng sẽ không dưới 5,000,000 VNĐ và đồng thời, Bên Bán chịu trách nhiệm bồi thường các chi phí điều trị phát sinh (nếu có) của khách hàng đã sử dụng Hàng hóa của Bên Bán.

In case the Seller delivers insufficient Goods during the promotion period or the Goods cause damage to consumers' health, the Seller shall bear a penalty rate of 8% of Purchase Order value containing infringing Goods and compensate the Buyer for damages incurred. The penalty for Goods affecting the health of consumers will not be less than 5,000,000 VND and the Seller is in charge of reimbursing, if any, the treatment expenses paid for by consumers who have purchased its Goods.

- ii) Trường hợp Bên Bán giao thiếu sản phẩm mới trong vòng 3 tháng sau khi hàng trưng bày lên kệ, Bên Mua có quyền trả hàng, ngừng trưng bày sản phẩm đó tại cửa hàng của Bên Mua và Bên Bán chịu phạt một khoản tiền tương đương phí chào hàng. Bên Bán muốn tiếp tục trưng bày hàng tại cửa hàng của Bên Mua thì thực hiện quy trình chào hàng như mã sản phẩm mới.

If the Seller does not deliver the new product in full within 3 months after it is displayed on the shelves, the Buyer has the right to return the Goods, cease its display in the Buyer's store, and the Seller shall pay compensation equivalent to the listing fee. If the Seller wants to display such Goods at the Buyer's store, the Seller does the listing procedure as a new product.

- iii) Trường hợp Bên Bán chậm trễ giao hàng hoặc vi phạm các nghĩa vụ khác tại Hợp Đồng và không khắc phục xong vi phạm đó trong thời hạn Bên Mua yêu cầu, Bên Bán sẽ thanh toán khoản phạt vi phạm tương đương 8% giá trị Hợp đồng bị vi phạm và bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có).

In the event that the Seller delays delivery or breaches other obligations under the Contract and does not rectify the breach within the period requested by the Buyer, the Seller shall pay a penalty equivalent to 8% of the value of the breached Contract and compensate for any damages incurred (if any).

10. Điều khoản chung

General terms

- 10.1 Các thuật ngữ và cụm từ được sử dụng trong Phụ lục này, trừ khi được định nghĩa khác đi, sẽ có ý nghĩa như được định nghĩa trong Hợp đồng.

Terms and phrases used in this Annex, unless otherwise defined, will have the same meanings given to them in the Contract.

- 10.2 Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025 và được lập thành bốn (4) bản gốc song ngữ Anh – Việt. Mỗi Bên giữ hai (2) bản. Tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng nếu có sự không thống nhất nội dung giữa hai ngôn ngữ.



Y.C
VIÊN
I VÀ
M
-HI N

Pg

This Annex takes effect from 01/01/2025 to 31/12/2025 and is made into four (4) bilingual originals in English - Vietnamese. Each Party shall keep two (2) originals. The vietnamese version shall prevail in the events of any inconsistency between the two languages.

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH VÒNG TRÒN ĐỎ

For and on behalf of
RED CIRCLE COMPANY LIMITED



Ký bởi/Signed by:
CHEUNG YIU KWONG

Chức vụ/Position:
Tổng Giám Đốc
General Director

Thay mặt và đại diện cho
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM**

For and on behalf of
**NGOC THOM TRADING AND SERVICE
COMPANY LIMITED**



Ký bởi/Signed by:
NGUYỄN BẢO THẠCH

Chức vụ/Position:
Phó Giám Đốc
Deputy Director

THÔNG TIN XUẤT HÓA ĐƠN
INVOICING INFORMATION

Thông tin xuất hóa đơn của Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ

Invoicing information of Red Circle Company Limited



| STT No | Tên Name | Mã Số Thuế Tax Code | Địa Chỉ Address |
|-----------|--|------------------------|---|
| 1 | Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ <i>Red Circle Co., Ltd</i> | 0306182043 | 160 Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam <i>160 Bui Thi Xuan, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.</i> |
| 2 | Chi nhánh Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ tại Hà Nội <i>Branch of Red Circle Co., Ltd in Hanoi</i> | 0306182043-010 | Số 205 Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam. <i>No. 205 Lac Long Quan, Tay Ho Ward, Ha Noi City, Vietnam.</i> |
| 3 | Chi nhánh Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ tại Quảng Ninh <i>Branch of Red Circle Co., Ltd in Quang Ninh</i> | 0306182043-015 | Căn nhà số 01, Lô A6, Khu Đô Thị Mới Phía Đông Hòn Cặp Bè, Tổ 4, Khu phố 4A, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam. <i>House No. 01, Lot A6, New urban area in the east of Hon Cap Be, Group 4, 4A Zone, Ha Long Ward, Quang Ninh Province, Vietnam.</i> |
| 4 | Chi nhánh Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ tại Hải Phòng <i>Branch of Red Circle Co., Ltd in Hai Phong</i> | 0306182043-019 | 261A đường Trần Nguyên Hãn, Phường An Biên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. <i>261A Tran Nguyen Han, An Bien Ward, Hai Phong City, Vietnam.</i> |
| 5 | Chi nhánh Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ tại Hưng Yên <i>Branch of Red Circle Co., Ltd in Hung Yen</i> | 0306182043-023 | Số MRA-095A, Đường nội bộ Khu biệt thự Thủy Nguyên, Xã Phụng Công, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. <i>No. MRA-095A, internal road of Thuy Nguyen Villa Area, Phung Cong Commune, Hung Yen Province, Vietnam</i> |
| 6 | Chi nhánh Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ tại Bắc Ninh <i>Branch of Red Circle Co., Ltd in Bac Ninh</i> | 0306182043-024 | 125 Trần Hưng Đạo, Khu phố 4, Phường Kinh Bắc, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. <i>125 Tran Hung Dao, Quarter 4, Kinh Bac Ward, Bac Ninh Province, Vietnam.</i> |
| 7 | Chi nhánh Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ tại Bà Rịa - Vũng Tàu <i>Branch of Red Circle Co., Ltd in Ba Ria - Vung Tau</i> | 0306182043-012 | 15 La Văn Cầu, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. <i>15 La Van Cau, Vung Tau Ward, Ho Chi Minh city, Vietnam.</i> |
| 8 | Chi nhánh tại Bình Dương Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ | 0306182043-011 | 508 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. |

| | | | |
|----|--|----------------|--|
| | <i>Branch in Binh Duong of Red Circle Co., Ltd</i> | | <i>508 Cach Mang Thang Tam, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh city, Vietnam.</i> |
| 9 | Chi nhánh Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ tại Cần Thơ <i>Branch of Red Circle Co., Ltd in Can Tho</i> | 0306182043-017 | 128 Hai Bà Trưng, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam. <i>128 Hai Ba Trưng, Ninh Kieu Ward, Can Tho City, Vietnam.</i> |
| 10 | Chi nhánh Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ tại An Giang <i>Branch of Red Circle Co., Ltd in An Giang.</i> | 0306182043-020 | Số 155 đường Ung Văn Khiêm, tổ 11, khóm Đông Thành, Phường Long Xuyên, An Giang, Việt Nam. <i>No. 155 Ung Van Khiem Street, Group 11, Quarter Dong Thanh, Long Xuyen Ward, An Giang, Vietnam.</i> |
| 11 | Chi nhánh Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ tại Đồng Nai <i>Branch of Red Circle Co., Ltd in Dong Nai</i> | 0306182043-021 | Số 1347 Đường Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 12, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. <i>No. 1347 Nguyen Ai Quoc Street, Group 12, Tam Hiep Ward, Dong Nai Province, Vietnam.</i> |
| 12 | Chi nhánh Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ tại Tiền Giang. <i>Branch of Red Circle Co., Ltd in Tien Giang.</i> | 0306182043-022 | 30/2 Ấp Bắc, Phường Đạo Thạnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam. <i>30/2 Ap Bac, Dao Thanh Ward, Dong Thap Province, Vietnam.</i> |
| 13 | Chi nhánh Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ tại Phú Nhuận. <i>Branch of Red Circle Co., Ltd in Phu Nhuan.</i> | 0306182043-026 | Tầng 2, Tầng 3, số 103 Trần Huy Liệu, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. <i>2nd Floor, 3rd Floor, No. 103 Tran Huy Lieu, Phu Nhuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.</i> |
| 14 | Chi nhánh Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ tại Kiên Giang. <i>Branch of Red Circle Co., Ltd in Kien Giang.</i> | 0306182043-027 | Số 99 đường 3 tháng 2, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang, Việt Nam. <i>No. 99, 3/2 Street, Rach Gia Ward, An Giang Province, Vietnam.</i> |
| 15 | Chi nhánh Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ tại Khánh Hòa <i>Branch of Red Circle Co., Ltd in Khanh Hoa.</i> | 0306182043-028 | Số 6A Nguyễn Chánh, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. <i>6A Nguyen Chanh, Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province, Vietnam.</i> |
| 16 | Chi nhánh Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ tại Thái Nguyên <i>Branch of Red Circle Co., Ltd in Thai Nguyen</i> | 0306182043-029 | Số 28 đường Lương Ngọc Quyến, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. <i>No. 28 Luong Ngoc Quyen Street, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen Province, Vietnam.</i> |